



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**HỆ THỐNG NGĂN GỌN VỀ WTO VÀ  
CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM**

# Cam kết chung về mở cửa thị trường nông sản

CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP



# MỤC LỤC

- 1** WTO quy định về vấn đề nông nghiệp ở đâu? 03
- 2** Việt Nam đã đưa ra những cam kết gì về mở cửa thị trường nông sản? 06
- 3** Việt Nam cam kết như thế nào về thuế quan đối với nông sản nhập khẩu? 08
- 4** Biểu cam kết thuế nông nghiệp được thiết kế như thế nào? 10
- 5** Có khi nào thuế nhập khẩu nông sản thực tế giảm xuống mức thấp hơn mức thuế suất cam kết trong WTO không? 13



## 1 WTO quy định về vấn đề nông nghiệp ở đâu?

WTO đưa ra một tập hợp các nguyên tắc về thương mại quốc tế đối với sản phẩm nông nghiệp nhằm thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường nông sản của các nước thành viên. Các quy định này tập trung tại:

- ✎ *Hiệp định nông nghiệp* (Điều 4, 5 và Phụ lục 5 của Hiệp định Nông nghiệp); và
- ✎ *Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại hàng hóa (GATT)*



## HỘP 1 - CÁC NGUYÊN TẮC MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG TRONG HIỆP ĐỊNH NÔNG NGHIỆP

- *Thuế hoá các biện pháp phi thuế;*
- *Bãi bỏ các hàng rào phi thuế (trừ một số trường hợp nhất định);*
- *Tăng thuế có điều kiện (chỉ áp dụng đối với các nước đang phát triển và chậm phát triển);*
- *Giảm dần thuế quan theo lộ trình (có sự nhượng về mức độ cắt giảm và lộ trình giảm cho từng nhóm nước đang phát triển, chậm phát triển, chuyển đổi);*
- *Đảm bảo việc tiếp cận thị trường tối thiểu (quy định mức hạn ngạch nhập khẩu tối thiểu mà nước nhập khẩu phải cho phép đối với những loại nông sản mà trước đó hầu như đóng cửa với hàng hoá nước ngoài);*
- *Các biện pháp tự vệ đặc biệt.*  
Về nội dung của từng nhóm nguyên tắc, xem thêm Sổ tay về Hiệp định Nông nghiệp



## HỢP 2 - CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA GATT ÁP DỤNG CHO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

- **Nguyên tắc tối huệ quốc (MFN):** Nước thành viên WTO phải dành cho hàng nông sản đến từ các nước thành viên khác của WTO sự đối xử ngang bằng (không phân biệt đối xử giữa hàng nông sản đến từ các nước khác nhau);
- **Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT):** Nước thành viên WTO phải đảm bảo dành cho hàng nông sản đến từ nước thành viên khác sự đối xử ngang bằng với hàng nông sản trong nước (không phân biệt đối xử giữa nông sản nội địa và nông sản nhập khẩu sau khi đã hoàn thành các thủ tục và nghĩa vụ hải quan).



## 2 Việt Nam đã đưa ra những cam kết gì về mở cửa thị trường nông sản?

Gia nhập WTO, Việt Nam đã đưa ra các cam kết mở cửa thị trường nông sản thuộc các nhóm sau:

- ✎ **Cam kết về thuế quan:** Việt Nam đã đưa ra cam kết về mức thuế nhập khẩu tối đa được phép áp dụng (gọi là mức cam kết) đối với 100% số dòng thuế hàng nông sản.
- ✎ **Cam kết về các biện pháp phi thuế quan:** Việt Nam đã đưa ra cam kết liên quan đến các biện pháp hạn ngạch thuế quan, các biện pháp quản lý chuyên ngành nông nghiệp (*xem thêm Sổ tay về Các biện pháp bảo hộ nông nghiệp phi thuế*)



- ✦ **Quyền đàm phán ban đầu (INR):** Trong quá trình thực hiện cam kết, trong một số trường hợp nhất định không lường trước được, Việt Nam có thể tăng thuế cao hơn mức cam kết. Trong trường hợp đó, Việt Nam phải đàm phán trước với những nước dành được Quyền đàm phán ban đầu (được ghi tên nước đó bên cạnh mỗi dòng sản phẩm). Những nước đề nghị INR đối với nông sản của Việt Nam chủ yếu là Mỹ, Úc, New Zealand, Braxin.



### 3 Việt Nam cam kết như thế nào về thuế quan đối với nông sản nhập khẩu?

#### Về mức cam kết giảm thuế chung:

Việt Nam đã cam kết cắt **giảm thuế bình quân là 10,6%** so với MFN hiện hành.

#### Về mức giảm thuế đối với từng nhóm nông sản:

- Các loại nông sản chế biến (như thịt, sữa, rau quả chế biến, thực phẩm chế biến, quả ôn đới, và quả có múi) phải **giảm nhiều** hơn so với nông sản thô (do những sản phẩm chế biến này vào thời điểm đàm phán gia nhập WTO Việt Nam đang áp dụng mức thuế suất nhập khẩu cao);
- Các loại nông sản thô (gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều...): mức thuế nhập khẩu những sản phẩm này **giảm rất ít hoặc không giảm**.

#### Về thời gian cắt giảm:

Việt Nam **cam kết cắt giảm dần các loại thuế nhập khẩu** đối với nông sản trong thời gian từ **3-5 năm** kể từ ngày gia nhập WTO (11/1/2007). Tức là việc cắt giảm sẽ phải hoàn thành vào 2009-2012 tùy theo sản phẩm. Mức giảm thuế sẽ được chia đều cho mỗi năm trong lộ trình cắt giảm.





**BẢNG 1 - CƠ CẤU CAM KẾT VỀ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM**

| Stt | Cơ cấu                     | Số dòng thuế | Các sản phẩm chính   |
|-----|----------------------------|--------------|--|
| 1   | Tổng số dòng thuế nông sản | 1.185        |  |
| 2   | Số dòng giảm so với MFN    | 500          | Thịt trâu bò, thịt lợn, rau, quả, hoa, toàn bộ nông sản chế biến...  |
| 3   | Số dòng giữ nguyên         | 535          | Động vật sống, giống cây trồng, gạo, chè, dầu TV nguyên liệu, lông, da động vật, kén tằm, lanh, gai...                         |
| 4   | Số dòng tăng so với MFN    | 150          | Chủ yếu là thuế ngoài hạn ngạch của các mặt hàng: đường ăn, trứng gia cầm, lá thuốc lá (NHN), thịt gia cầm, thuốc lá, xì gà... |



## 4 Biểu cam kết thuế nông nghiệp được thiết kế như thế nào?

Mức cam kết thuế đối với hàng nông sản của mỗi nước thành viên WTO được quy định tại Biểu cam kết hàng nông sản của nước đó.

Đối với Việt Nam, cam kết về thuế quan đối với hàng nông sản được nêu tại **Biểu CLX - Phần I – Danh mục các nhượng bộ và cam kết về hàng hoá - Thuế suất tối huệ quốc hàng nông sản** trong Văn kiện gia nhập WTO của Việt nam.



**Biểu cam kết thuế gồm 7 cột với các nội dung sau:**

- ✎ Cột 1: **Cột Mã số HS** (mã HS 8 số).
- ✎ Cột 2: **Mô tả sản phẩm** (tên diễn giải của sản phẩm)
- ✎ Cột 3: **Mức thuế suất ban đầu** (là mức thuế cam kết thực hiện ngay năm đầu tiên khi gia nhập WTO, với Việt Nam là từ ngày 11/1/2007).
- ✎ Cột 4: **Mức thuế suất cuối cùng** (là mức thuế cam kết thực hiện vào cuối lộ trình giảm thuế).
- ✎ Cột 5: **Lộ trình giảm thuế** (hay còn gọi là “Giai đoạn thực hiện” là khoảng thời gian phải hoàn thành quá trình giảm thuế từ mức thuế suất ban đầu đến mức thuế suất cuối cùng).
- ✎ Cột 6: **Quyền đàm phán ban đầu** (INR) (cột ghi tên các nước mà trong trường hợp Việt Nam muốn tăng thuế cao hơn mức cam kết thì những nước này sẽ được quyền đàm phán trước tiên với Việt Nam về việc tăng thuế này).
- ✎ Cột 7: **Phụ thu và phí** (là cột ghi cam kết sẽ không đánh thêm bất cứ khoản phí hoặc phụ thu nào khác ngoài mức thuế cam kết).

**BẢNG 2 - VÍ DỤ MỘT TRÍCH ĐOẠN BIỂU CAM KẾT NÔNG NGHIỆP**

| Mã hàng    | Mô tả hàng hóa                     | TS cam kết tại thời điểm gia nhập (%) | TS cam kết cắt giảm (%) | Thời hạn thực hiện (năm) | Quyền đàm phán ban đầu                             | Phụ thu nhập khẩu (%) |
|------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|--------------------------|--|-----------------------|
| 0201       | Thịt trâu, bò tươi hoặc ướp lạnh   |                                       |                         |                          |  |                       |
| 0201 10 00 | Thịt cả con hoặc nửa con không đầu | 35                                    | 30                      | 2012                     | New Zealand  | 0                     |
| 0201 20 00 | Thịt pha có xương khác             | 20                                    |                         |                          | New Zealand, Hoa Kỳ                                | 0                     |
| 0201 30 00 | Thịt lọc không xương               | 20                                    | 14                      | 2012                     | Achentina, Australia, New Zealand, Hoa Kỳ, Uruguay | 0                     |





5

## Có khi nào thuế nhập khẩu nông sản thực tế giảm xuống mức thấp hơn mức thuế suất cam kết trong WTO không?

Cam kết thuế trong WTO của mỗi nước (đối với các sản phẩm nói chung và đối với nông sản nói riêng) là mức thuế tối đa mà nước đó có thể áp dụng. Các nước thành viên được **khuyến khích áp dụng mức thuế thấp hơn mức cam kết**.

Vì vậy, các thuế suất nhập khẩu đối với nông sản trong Biểu cam kết thuế nông sản của Việt Nam **là mức thuế suất cao nhất** mà Việt Nam được quyền áp dụng đối với từng loại nông sản (không được áp thuế suất cao hơn mức đó). Còn Việt Nam hoàn toàn có thể áp dụng các thuế suất thấp hơn (giảm thuế nhiều hơn mức cam kết).


Trên thực tế, các mức thuế suất hiện đang áp dụng đối với hàng nông sản nhập khẩu của Việt Nam thấp hơn so với mức cam kết. Nói cách khác, mức độ mở cửa thị trường nông sản trên thực tế của Việt Nam đã cao hơn mức cam kết.




### HỘP 3 - TẠI SAO VIỆT NAM DUY TRÌ MỨC THUẾ SUẤT ĐỐI VỚI NÔNG SẢN TRÊN THỰC TẾ THẤP HƠN MỨC THUẾ SUẤT CAM KẾT TRONG WTO?


- ✎ **Mức thuế cam kết WTO giữa các sản phẩm trong cùng một nhóm thường rất khác nhau.** Nếu áp dụng đúng như mức cam kết thường dẫn tới khả năng gian lận thương mại cao (khai từ loại hàng này sang loại hàng khác để đóng thuế ít hơn) và việc áp thuế cũng phức tạp. Vì vậy, trong thực tế áp dụng, người ta thường áp chung một thuế suất với các sản phẩm tương tự và mức này là mức thuế suất cam kết thấp nhất của sản phẩm trong nhóm đó;
- ✎ **Để mở khả năng bảo hộ trong tương lai.** Với mức thuế suất cam kết cao, dù hiện tại đang áp dụng mức thuế suất thấp hơn (do chưa cần bảo hộ), Việt Nam có thể tăng thuế trở lại trong tương lai khi có nhu cầu bảo hộ đối với sản phẩm đó;
- ✎ **Xuất phát từ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước,** sẽ thực hiện giảm thuế hơn nữa đối với một số mặt hàng. Ví dụ, trước sức ép chỉ số giá tiêu dùng tăng cao, giữa năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã quyết định giảm thuế thịt gia cầm từ 30% xuống 12%, thịt bò, thịt lợn từ 20% xuống 12%, ngô từ 5% xuống 3% mặc dù mức thuế cam kết của ta cho năm 2007 là 40% đối với thịt gà, 20% đối với trâu bò và thịt lợn, 5% đối với ngô.


# MỤC LỤC BẢNG - HỘP


 **Bảng 1 - Cơ cấu cam kết về thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam** 09

 **Bảng 2 - Ví dụ một trích đoạn biểu cam kết nông nghiệp** 12

---

 **Hộp 1 - Các nguyên tắc mở cửa thị trường trong Hiệp định nông nghiệp** 04

 **Hộp 2 - Các nguyên tắc cơ bản của GATT áp dụng cho lĩnh vực nông nghiệp** 05

 **Hộp 3 - Tại sao Việt Nam duy trì mức thuế suất đối với nông sản trên thực tế thấp hơn mức thuế suất cam kết trong wto?** 14

# HỆ THỐNG NGẮN GỌN VỀ WTO VÀ CÁC CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

## I. CÁC HIỆP ĐỊNH VÀ NGUYÊN TẮC WTO

## II. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

## III. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

- 1 Các biện pháp bảo hộ nông nghiệp phi thuế
- 2 Trợ cấp nông nghiệp
- 3 Cam kết chung về mở cửa thị trường nông sản
- 4 Cam kết WTO đối với nhóm Lương thực - Rau quả
- 5 Cam kết WTO đối với sản phẩm Cây công nghiệp - Chăn nuôi

## IV. CAM KẾT GIA NHẬP WTO TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUAN

Ban Pháp chế - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Số 9 Đào Duy Anh - Hà Nội

Tel: 04-5742022 (máy lẻ 356) hoặc 04-5771458; Fax: 04-5770632

Website: [www.chongbanphagia.vn](http://www.chongbanphagia.vn)